

THÔNG BÁO

**V/v công khai phê duyệt kế hoạch dự toán thu-chi các khoản dịch vụ,
phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026**

Căn cứ Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 1767/HD-UBND ngày 25/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Căn cứ Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Trường Mầm non Tiên Kiều thông báo đến toàn thể các bậc phụ huynh học sinh về công khai phê duyệt Kế hoạch số:10/KH-MNTK ngày 10/9/2025 kế hoạch dự toán thu-chi các khoản dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 đã được ủy ban nhân dân xã Tiên Kiều phê duyệt (có kế hoạch kèm theo). Trong đó trọng tâm là nội dung dự toán thu-chi các khoản dịch vụ năm học 2025-2026. Cụ thể:

1. Nội dung dự toán thu- chi

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	DỊCH VỤ TUYỂN SINH			
	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	57	
	Mức thu	đồng/hs	40.000	
	Tổng số tiền thu theo kế hoạch	đồng	2.280.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi theo kế hoạch	đồng	2.280.000	
	Trích 15% lên phòng giáo dục	đồng	342.000	
	Chi hội đồng tuyển sinh	đồng	1.938.000	
II	DỊCH VỤ PHỤC VỤ			
1	Tiền ăn			

	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	200	
	Mức thu	đồng/ngà y/hs	15.000	
	Số ngày/ tháng	Ngày	21	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả tháng theo kế hoạch(Bình quân 21 ngày 1 tháng)	đồng	63.000.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả tháng theo kế hoạch	đồng	63.000.000	
	- Chi ăn 2 bữa/ngày bao gồm thực phẩm, gia vị, chất đốt	đồng	63.000.000	
2	Tiền thuê cấp dưỡng			
	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	200	
	Mức thu	đồng/thá ng/hs	80.000	
	Số tháng	Tháng	1	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả tháng theo kế hoạch	đồng	16.000.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả tháng theo kế hoạch	đồng	16.000.000	
	Chi trả công thuê người nấu (80%)	đồng	12.800.000	
	Chi Công tác quản lí, phục vụ(20%)	đồng	3.200.000	
3	Tiền trực trưa			
	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	200	
	Mức thu	đồng/ngà y/hs	5.000	
	Số tháng	Tháng	9	
	Tổng số tiền thu cả tháng theo kế hoạch	đồng	21.000.000	
	Tổng số tiền chi cả tháng theo kế hoạch	đồng	21.000.000	
	Chi người trực tiếp chăm sóc học sinh(70%)	đồng	14.700.000	
	Chi Công tác quản lí, phục vụ (10%), bảo trì cơ sở vật chất(10%) và nguồn tăng thu nhập (10%)	đồng	6.300.000	
4	Tiền mua sắm bổ sung đồ dùng bán trú			

	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	200	
	Mức thu	đồng/năm/hs	100.000đ - 150.000đ	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả năm theo kế hoạch	đồng	22.850.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả năm theo kế hoạch	đồng	22.850.000	
5	Tiền vệ sinh trường học			
	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	250	
	Mức thu	đồng/tháng/hs	10.000	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả năm theo kế hoạch	đồng	2.500.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả năm theo kế hoạch	đồng	2.500.000	
	Chi trả công thuê người vệ sinh	đồng	2.000.000	
	Chi mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ công tác vệ sinh	đồng	500.000	
6	Tiền nước uống			
	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	250	
	Mức thu	đồng/tháng /hs	4.000	
	Tổng số tiền dự kiến thu cả năm theo kế hoạch	đồng	9.000.000	
	Tổng số tiền dự kiến chi cả năm theo kế hoạch	đồng	9.000.000	
	Chi sắm trang thiết bị phục vụ, công tác bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị	đồng	9.000.000	
7	Điện Vận Hành			
	Số học sinh (không tính học sinh hưởng chế độ)	Học sinh	250	
	Mức thu	đồng/năm /hs	50.000	
	Tổng số tiền thu cả năm theo kế hoạch	đồng	12.500.000	
	Tổng số tiền chi cả năm theo kế hoạch	đồng	12.500.000	
	Chi sắm trang thiết bị điện và sửa chữa trang thiết bị	đồng	12.500.000	

8	Tham gia các hoạt động trải nghiệm (theo từng buổi/đợt)	Thu- Chi theo theo tình hình thực tế trên cơ sở thỏa thuận thống nhất với cha mẹ học sinh (buổi/đợt tổ chức)
---	---	--

2. Chế độ miễn giảm

2.1. Các dịch vụ miễn, giảm

- Dịch vụ tuyển sinh
- Dịch vụ vệ sinh
- Dịch vụ điện vận hành
- Dịch vụ nước uống
- Dịch vụ đồ dùng bán trú

2.2. Đối tượng miễn, giảm

- Thực hiện miễn, giảm theo quy định, gồm các đối tượng chính sách: Trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo; trẻ em có hộ khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; trẻ em mồ côi (cha, mẹ); trẻ em bị khuyết tật tàn tật, trẻ em dân tộc rất ít người.

3. Thời gian, địa điểm, hình thức công khai

- Thời gian thông báo công khai: Từ ngày 25/9/2025 đến hết ngày 10/10/2025.

- Địa điểm: Tại 4 điểm trường

- Hình thức: Treo kế hoạch trước sân, hiên, cửa lớp học để vị trí phụ huynh dễ nhìn thấy nhất.

Trên đây là Thông báo công khai phê duyệt kế hoạch dự toán thu-chi các khoản dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 đến toàn thể phụ huynh học sinh của trường Mầm non Tiên Kiều./.

Nơi nhận:

- Giáo viên nhóm, lớp, điểm trường;
- Phụ huynh học sinh toàn trường;
- Lưu: HS.

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Tuyền